

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và ông Nguyễn Đình Diệt;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A, Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà:
Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã Q, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên.

* *Bị đơn:* Anh Tống Văn Đ, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, tỉnh Hưng Yên;

Hiện đang lao động, làm việc tại Nhật Bản (không rõ địa chỉ).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Tống Hiền M, sinh ngày 18/01/2012; (vắng mặt)

+ Cháu Tống Huyền A, sinh ngày 11/08/2014; (vắng mặt)

+ Cháu Tống Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2019; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Q, tỉnh Hưng Yên;

Người đại Diện hợp pháp của cháu M, cháu Huyền A, cháu Quỳnh A: chị Đỗ Thị T và anh Tống Văn Đ là bố mẹ đẻ của các cháu.

3. Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Lưu Thị Th, sinh năm 1961; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tống Văn Đ được tự Do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M (nay là xã Q) vào ngày 18/5/2011 theo quy định của pháp luật, không bị ai ngăn cản, bắt ép và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến khoảng năm 2021 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân Do anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng ở cách xa nhau, không chung sống cùng nhau nên anh Đ thường xuyên nghi ngờ chị có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không tin tưởng chị, kiểm soát chị, bắt chị về gần nhà làm, chị không đồng ý thì anh Đ chửi, xúc phạm chị Dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng chị độc lập về kinh tế, hàng tháng anh Đ có gửi tiền về cho chị nhưng chị không lấy vì không muốn liên quan gì đến anh Đ, tiền đi làm của ai thì người đó quản lý, chi tiêu và không liên quan đến nhau. Khoảng tháng 7/2024, anh Đ về lại Việt Nam, có đặt vấn đề ly hôn, lúc đó chị cũng bận nên có bảo anh Đ “anh muốn làm thì anh làm mẹ anh đi”, anh Đ nghĩ chị chửi mẹ anh Đ nên quay ra đánh chị, có những lời nói xúc phạm và không tôn trọng chị Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Ngoài ra, Do vợ chồng chị cũng không hợp nhau về tính cách ngay từ thời điểm mới lấy nhau, anh Đ có tính gia trưởng, quyết đoán mọi thứ nên chị cảm thấy ngột ngạt khi sống chung cùng anh Đ. Mâu thuẫn của vợ chồng, hai bên gia đình có biết nhưng cũng không tìm ra được biện pháp nào hàn gắn cho vợ chồng chị. Cũng từ khoảng tháng 7/2023, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên sinh sống, chị và anh Đ sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung là các cháu Tống Hiền M, sinh ngày 18/01/2012, cháu Tống Huyền A, sinh ngày 11/08/2014 và cháu Tống Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2019. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi Dưỡng cháu Quỳnh A; giao cháu M và cháu Huyền A cho anh Đ chăm sóc, nuôi Dưỡng. Về vấn đề cấp Dưỡng, chị và anh Đ sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, anh Đ không có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nuôi Dưỡng các con chung, Tòa án buộc giao cả ba cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng thì chị cũng nhất trí. Tuy nhiên, xét về điều kiện hoàn cảnh, chị chỉ có thể nuôi được 01 cháu chứ không thể nuôi được cả 03 cháu, nếu bắt buộc chị phải nuôi cả ba cháu thì chị vẫn phải nuôi nhưng sẽ không đảm bảo được mọi mặt cho các cháu. Vì vậy, chị vẫn giữ quan điểm giao cả hai cháu M và cháu Huyền A cho anh Đ chăm sóc, nuôi Dưỡng, còn chị nuôi cháu Quỳnh A.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là nhà và đất, chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung: Chị và anh Đ không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tống Văn Đ vắng mặt tại địa phương; Tòa án tiến hành xác M tại Công an xã Q, tại gia đình anh Đ và qua Phòng xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Hưng

Yên thì nắm được, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản; gia đình anh Đ cung cấp thông tin, hàng ngày anh Đ vẫn liên lạc về gia đình qua điện thoại và mạng xã hội. Toà án đã ra Thông báo yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ hiện tại của anh Đ bên Nhật Bản nhưng gia đình anh Đ không cung cấp được vì anh Đ cố tình giấu địa chỉ không cho gia đình biết nên Toà án không tiến hành lấy được lời khai, quan điểm của anh Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung... Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng; đồng thời gia đình anh Đ đã cam kết nhận thay các văn bản tố tụng và đã thông báo lại cho anh Đ biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Tống Hiền M và cháu Tống Huyền A trình bày: Quá trình các cháu sống chung với bố mẹ, các cháu thấy tình cảm bố mẹ bình thường, đến khoảng tháng 7/2024, thời điểm bố các cháu đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản về Việt Nam chơi thì thấy bố mẹ cãi nhau, còn lý Do thì các cháu không rõ. Sau đó, bố mẹ không nói chuyện với nhau, sống lạnh nhạt và không quan tâm đến nhau, được khoảng 01 tuần thì mẹ các cháu Độn về nhà ông bà ngoại ở. Bố mẹ các cháu sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn nhau, các cháu có nguyện vọng xin được ở với bố, còn việc cấp Dưỡng nuôi các cháu Do bố mẹ quyết định, các cháu không có yêu cầu đề nghị gì. Việc các cháu lựa chọn ở với bố là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai bắt ép, xúi giục các cháu. Cháu M và cháu Huyền A đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt các cháu theo quy định pháp luật.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị D (là mẹ đẻ của Tống Văn Đ) và bà Lưu Thị Th (là mẹ đẻ của chị T) trình bày: Anh Đ và chị T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống, theo như bà D trình bày: Vợ chồng anh Đ sống hòa thuận, đến khoảng năm 2024 thì nảy sinh mâu thuẫn, thời điểm anh Đ về Việt Nam chơi, bà thấy vợ chồng xảy ra cãi nhau, sau đó vợ chồng không nói chuyện và quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng sống lạnh nhạt. Nguyên nhân, theo như chị T nói, vợ chồng không thể hòa hợp, không sống chung cùng với nhau được nữa. Chị T và anh Đ sống ly thân nhau từ năm 2024 cho đến nay, mỗi người ở một nơi. Còn theo như bà Thoan trình bày: vợ chồng chị T sống với nhau tình cảm bình thường, đến khoảng tháng 7/2023, thời điểm khi anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản về Việt Nam chơi, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, bản thân vợ chồng anh chị đều nóng tính, sống không biết nhường nhịn nhau. Ngoài ra, anh Đ luôn nghi ngờ chị T có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không tin tưởng chị T, về nhà đặt điều với chị T khiến vợ chồng xảy ra cãi nhau và xô xát, anh Đ luôn cấm đoán chị T không được mặc đẹp khi đi ra ngoài, bắt chị T nghỉ làm ở chỗ cũ để đi về làm gần nhà chăm sóc con cái. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh Đ, quan điểm bà D và bà Th đều đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật xem xét, giải quyết. Bà D và bà Th đều xác định, vợ chồng anh Đ và chị T có 03 con chung là cháu Tống Hiền M, sinh ngày 18/01/2012, cháu Tống Huyền A, sinh ngày 11/08/2014 và cháu Tống Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2019. Bà D có quan điểm, trường hợp Tòa án giao các cháu cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng, Do hiện tại anh Đ không có mặt ở Việt Nam để

trực tiếp nuôi các cháu thì bà sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi Dưỡng các cháu giúp anh Đ trong thời gian anh Đ không có mặt ở Việt Nam, bà tự nguyện không yêu cầu vợ chồng anh Đ trích trả công sức về việc bà nuôi Dưỡng các cháu trong thời gian chị T và anh Đ sống ly thân. Gia đình bà D, bà Thoan đều xác nhận, không liên quan gì đến vấn đề tài sản với vợ chồng chị T, anh Đ nên bà D, bà Th không có yêu cầu, đề nghị gì. Bà D, bà Th đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt hai bà theo quy định pháp luật.

UBND xã Q cung cấp thông tin: Chị T và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Mnay là xã Q vào ngày 18/5/2011 theo đúng quy định pháp luật. Chị T và anh Đ có 03 con chung là các cháu Tổng Hiền M, sinh ngày 18/01/2012, cháu Tổng Huyền A, sinh ngày 11/08/2014 và cháu Tổng Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2019. Địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ, cũng như đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên địa phương không nắm được chị T và anh Đ mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Công an xã Q cung cấp thông tin: Kiểm tra hệ thống cơ sở Dữ liệu quốc gia về Dân cư xác định, anh Tổng Văn Đ, sinh năm 1988 có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957, bố đẻ là ông Tổng Đăng Nhuệ, sinh năm 1957 (đã chết), có đăng ký HKTT tại Xóm 7, thôn N, xã Q, tỉnh Hưng Yên và không có thông tin anh Đ chuyển khẩu hay đăng ký tạm trú ở nơi khác. Theo nắm bắt thông tin, hiện nay anh Đ không có mặt ở địa phương và anh Đ đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh Đ mới đi được 02 tháng nay, còn địa chỉ cụ thể về nơi làm việc, chỗ ở hiện tại của anh Đ ở Nhật Bản như thế nào địa phương không nắm được.

Phòng quản lý xuất nhập cảnh của công an tỉnh Hưng Yên cung cấp thông tin: Anh Tổng Văn Đ, sinh ngày 17/11/1988, có địa chỉ tại thôn N, xã Q, tỉnh Hưng Yên xuất - nhập cảnh nhiều lần qua sân bay quốc tế Nội Bài. Lần xuất cảnh gần nhất là ngày 29/09/2025.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý Do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại Diện VKSNĐ khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý Do nên đề nghị HĐXX căn cứ vào điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/ NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân Dân tối cao để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Tống Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Tống Hiền M và cháu Tống Huyền A cho anh Đ chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo Dục; giao cháu Quỳnh A cho chị T chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo Dục cho đến khi cả ba cháu đủ 18 tuổi. Nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp Dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân Dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tống Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Q, tỉnh Hưng Yên (anh Đ đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể về nơi làm việc và chỗ ở hiện nay của anh Đ tại Nhật Bản). Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ, Tòa án nhân Dân khu vực 1 - Hưng Yên thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Tống Huyền M, cháu Tống Huyền A và người làm chứng bà Nguyễn Thị D, bà Lưu Thị Th đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Tống Văn Đ, qua xác M xác định, hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua mẹ đẻ anh Đ là bà D; đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo bà D là mẹ đẻ anh Đ cung cấp thông tin: Anh Đ lao động tại Nhật Bản, hàng ngày anh Đ vẫn liên lạc qua mạng xã hội Zalo với gia đình để hỏi thăm gia đình, con cái; các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh Đ, gia đình nhận thay đã thông báo lại cho anh Đ biết. Tòa án đã hai lần yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Đ bên Nhật Bản nhưng gia đình không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án vì anh Đ cố tình giấu địa chỉ. Do vậy, đến nay Tòa án không xác định được địa chỉ cụ thể về nơi làm việc, chỗ ở hiện nay của anh Đ tại Nhật Bản, nên căn cứ theo Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân Dân tối cao hướng Dẫn áp Dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì trường hợp này được xác định là anh Đ cố tình giấu địa chỉ, Tòa án sẽ tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Tống Văn Đ được tự Do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND M (nay là UBND xã Q) vào ngày 18/5/2011 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hòa thuận, đến năm 2021 nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ có tính gia trưởng, thích kiểm soát, khiến chị T cảm thấy cuộc sống vợ chồng ngột ngạt. Ngoài ra, Do tính chất công việc, vợ chồng sống xa nhau, anh Đ không tin tưởng, nghi ngờ chị T sống không chung thủy nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh Đ có những lời xúc phạm chị T, từ đó tình cảm vợ chồng sống lạnh nhạt. Chị T và anh Đ sống ly thân nhau từ năm 2024 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, kinh tế của ai làm ra tự quản lý, chi tiêu, không liên quan gì đến nhau nữa. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chung sống cùng nhau nhưng đã từ lâu, chị T và anh Đ sống ly thân, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Tống Văn Đ có 03 con chung là các cháu Tống Hiền M, sinh ngày 18/01/2012, cháu Tống Huyền A, sinh ngày 11/08/2014 và cháu Tống Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2019. Ly hôn, chị T có quan điểm, chị có nguyện vọng xin được nuôi Dưỡng, chăm sóc, giáo Dục cháu Quỳnh A; giao cháu Hiền M và cháu Huyền A cho anh Đ chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo Dục. HĐXX xét thấy: việc giao con chưa thành niên cho cha, mẹ chăm sóc, nuôi Dưỡng khi cha mẹ ly hôn nhau nhằm bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên trên cơ sở xem xét điều kiện, hoàn cảnh của cha mẹ và nguyện vọng của con chưa thành niên. Chị T làm công nhân, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng/tháng, với mức thu nhập như vậy chị T có quan điểm chỉ có thể chăm sóc, nuôi Dưỡng được 01 cháu, chị T có nguyện vọng xin được nuôi cháu Quỳnh A; Toà án tiến hành lấy lời khai của các cháu Hiền M và Huyền A trên 7 tuổi, các cháu đều bày tỏ nguyện vọng xin được ở với anh Đ. Mặc Dù anh Đ hiện tại không có mặt ở Việt Nam, nhưng các cháu ở với bà D là bà nội của các cháu từ khi chị T và anh Đ sống ly thân nhau, các cháu được quan tâm, chăm sóc cho ăn học đầy đủ. Do đó, giao cháu Quỳnh A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng theo nguyện vọng của chị T; giao cháu Hiền M, cháu Huyền A cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng theo nguyện vọng của cháu Hiền M, cháu Huyền A là cần thiết, phù hợp với nguyện vọng của chị T, cháu Hiền M, cháu Huyền A và phù hợp với quy định của pháp luật. Bà D là bà nội của cháu Hiền M, cháu Huyền A sẽ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo Dục hai cháu trong thời gian anh Đ không có mặt ở Việt Nam. Chị T, cháu Hiền M, cháu Huyền A không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về vấn đề cấp Dưỡng; bà D tự nguyện không yêu cầu chị T, anh Đ trích trả công sức chăm sóc, nuôi Dưỡng các con chung của chị T và anh Đ trong thời gian hai anh chị sống ly thân nhau. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị T và anh Tống Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo Dục các con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị T và anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp Dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo Dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T xác nhận, vợ chồng chị có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận; vợ chồng chị không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Tống Văn Đ Do vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai làm rõ quan điểm của anh Đ về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung. Sau khi ly hôn, nếu anh Đ có yêu cầu xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa anh Đ và chị T thì sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án Dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân Dân tối cao hướng Dẫn áp Dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Tống Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Tống Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo Dục từ tháng 3/2026; giao các cháu Tống Hiền M, sinh ngày 18/01/2012 và cháu Tống Huyền A, sinh ngày 11/08/2014 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo Dục từ tháng 3/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Đ vắng mặt tại Việt Nam, bà D là bà nội sẽ có trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo Dục cháu Hiền M và cháu Huyền A thay anh Đ. Chị T, cháu Hiền M, cháu Huyền A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề cấp Dưỡng; bà D tự nguyện không yêu cầu chị T, anh Đ trích trả công sức chăm sóc, nuôi Dưỡng các con chung của chị T và anh Đ trong thời gian hai anh chị sống ly thân nhau nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị T và anh Tống Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo Dục các con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị T và anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp Dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền

thăm nom, chăm sóc, giáo Dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu anh Đ có yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa chị T và anh Đ thì sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án Dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/25E/0001810, ngày 07/10/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - Hưng Yên, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSNĐ khu vực I - Hưng Yên;
- Phòng THAĐS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Mạnh Quyền